

Chương 6

TỔ CHỨC LÃNH THỔ NGÀNH NÔNG - LÂM - NGƯ NGHIỆP

Vị trí, vai trò, ý nghĩa phân bố và phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp.

Nông nghiệp - hiểu theo nghĩa rộng và đầy đủ của nó bao gồm cả nông nghiệp (có trồng trọt và chăn nuôi), lâm nghiệp và ngư nghiệp - có thể nói nông nghiệp là ngành có vị trí, vai trò và ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với xã hội và nền kinh tế quốc dân, nhất là các nước đang phát triển như nước ta đang trong giai đoạn “bước đi ban đầu của sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước”.

Trong nền kinh tế quốc dân, nông nghiệp là một trong hai ngành sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội và nó có vai trò to lớn đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và đời sống của nhân dân, điều đó được thể hiện trên các khía cạnh chủ yếu sau:

- Đáp ứng nhu cầu về lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội.
- Cung cấp nguyên liệu cho nhiều ngành sản xuất trong công nghiệp, cả công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ.
- Tạo ra nguồn hàng hoá thúc đẩy sự phát triển ngành thương mại trong nước và xuất khẩu.
- Tạo ra tiền đề vững chắc để thực hiện sự phân công lao động theo ngành và theo lãnh thổ. Đồng thời nông nghiệp, nông thôn còn là nơi cung cấp lực lượng lao động cho các hoạt động kinh tế - xã hội khác của đất nước, góp phần quan trọng giải quyết vấn đề xã hội là lao động về việc làm hiện nay.
- Là thị trường rộng lớn tiêu thụ, sử dụng các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ của công nghiệp và các hoạt động kinh tế - xã hội khác tạo ra, thúc đẩy các ngành trong nền kinh tế quốc dân cùng phát triển.
- Đóng góp phần quan trọng trong việc củng cố và tăng cường tiềm lực quốc phòng của đất nước ngày càng vững mạnh.
- Tạo dựng môi trường sinh thái tiến bộ và bền vững .

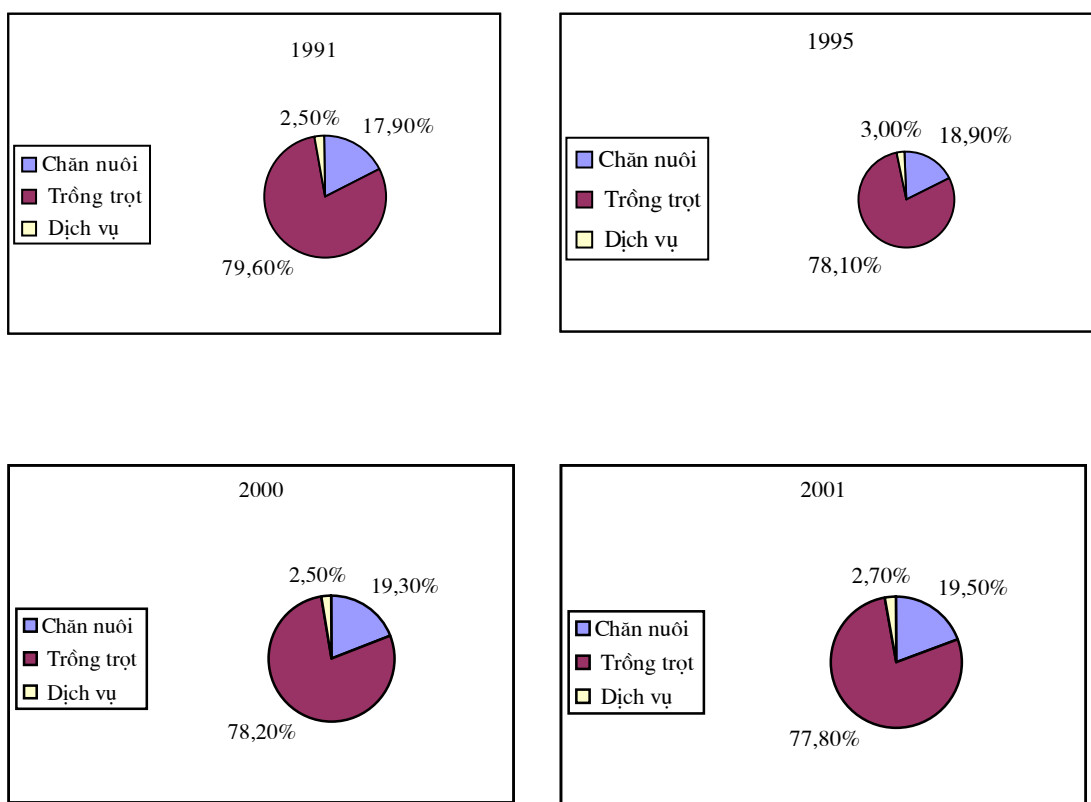
Đó là những đóng góp tích cực của nông nghiệp, nông thôn trên hầu hết các lĩnh vực đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng, quan hệ hợp tác quốc tế

và bảo vệ môi trường sinh thái. Đặc biệt, đối với Việt Nam từ một nước nông nghiệp đi lên, cùng với những lợi thế về các nguồn lực để phát triển nông nghiệp thì ngành nông - lâm - ngư nghiệp của nước ta lại càng chiếm giữ vai trò và có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

A. NÔNG NGHIỆP

Trước khi đi vào nghiên cứu từng ngành sản xuất cụ thể trong nông nghiệp, chúng ta cần thấy rõ sự phát triển cơ cấu các ngành đó thể hiện qua biểu đồ 6.1.

Biểu đồ 6.1. Cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp



I. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

1.1. Những đặc điểm chung

1.1.1. Sản xuất nông nghiệp được phân bố và phát triển trên phạm vi không gian rộng lớn:

Trong nông nghiệp quá trình sản xuất luôn luôn gắn chặt với đất đai vì đất đai là tư liệu sản xuất chủ yếu và đặc biệt không thể thiếu, không thể thay thế được của sản xuất nông nghiệp. Do vậy có thể nói rằng ở đâu có đất có con người thì ở đó đều có thể phân bố và phát triển sản xuất nông nghiệp được, hay nói khác là: không có đất thì không thể có ngành sản xuất nông nghiệp. Mặt khác, đối tượng sản xuất của nông nghiệp là các cây trồng và vật nuôi có tính thích ứng khá cao với những điều kiện tự nhiên khác nhau.

Với Việt Nam, diện tích đất nông nghiệp đã ít lại có xu hướng giảm dần do quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá và đô thị hoá, nhất là các vùng đồng bằng, do vậy, vấn đề đặt ra đòi hỏi quá trình phân bố và phát triển sản xuất nông nghiệp cần phải quan tâm giải quyết, đó là:

- Cần phân bố và phát triển sản xuất nông nghiệp ở tất cả các nơi có điều kiện về đất đai; cần hết sức coi trọng việc sử dụng đầy đủ và hợp lý, có hiệu quả nguồn lực đất đai hiện có; phải tiết kiệm đất đai, coi “tắc đất như tắc vàng”. Đối với những vùng có diện tích đất nông nghiệp với quy mô lớn như các vùng đồng bằng châu thổ, các vùng cao nguyên... cần được phân bố và tổ chức sản xuất tập trung, chuyên môn hoá cây, con thích hợp để tạo ra khối lượng nông sản hàng hoá lớn với chất lượng cao, giá thành hạ cung cấp cho nhu cầu của các vùng khác và cho nhu cầu xuất khẩu của đất nước. Đối với các nơi đất hẹp, quy mô diện tích đất nông nghiệp nhỏ, cần phải tận dụng khả năng của đất và lựa chọn cây trồng, vật nuôi thích hợp để phân bố và phát triển sản xuất nông nghiệp có hiệu quả nhằm thoả mãn nhu cầu tại chỗ về các loại nông sản phẩm.

- Ví dụ: hai vùng Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long cần tập trung thâm canh cao sản xuất cây lúa nước vì nhóm đất phù sa màu mỡ rất thích hợp cho cây lúa sinh trưởng phát triển. Còn đối với vùng Đông Bắc và vùng Tây Bắc thì đất đai ở đó cho phép tập trung phát triển các loại cây đặc sản như chè và các loại cây ăn quả như đào, táo, mận, lê và chăn nuôi đại gia súc. Đối với vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ rất giàu tài nguyên đất đỏ bazan rất thích hợp cho phát triển cây công nghiệp dài ngày như cao su, cà phê...

1.1.2. Sản xuất nông nghiệp gắn chặt với môi trường tự nhiên:

Trong sản xuất nông nghiệp, đối tượng sản xuất là sinh vật, đó là những cây trồng, vật nuôi - chính bản thân chúng đã là các yếu tố hoàn toàn tự nhiên, là một bộ phận quan trọng của môi trường tự nhiên, cho nên quá trình sinh trưởng và phát triển của chúng tuân theo những quy luật tự nhiên riêng của mỗi loại sinh vật và quá trình đó không thể tách rời các điều kiện tự nhiên. Do đó sản xuất nông nghiệp có quan hệ chặt chẽ và phụ thuộc rất nhiều vào môi trường tự nhiên, trong đó đặc biệt là thời tiết, khí hậu, nguồn nước và thổ nhưỡng là những điều kiện, các yếu tố tự nhiên có tác động, ảnh hưởng nhiều nhất, trực tiếp và rõ rệt nhất, thậm chí có khi quyết định đến sự phân bố và quá trình phát triển của sản xuất nông nghiệp.

- Muốn phân bố hợp lý và phát triển nền nông nghiệp có hiệu quả cao thì cần phải điều tra nghiên cứu và phân tích cụ thể, chi tiết các yếu tố, các điều kiện tự nhiên của từng địa phương, của mỗi vùng để bố trí cây trồng, vật nuôi thích hợp, giải quyết tốt và thoả mãn mối quan hệ: “đất - nước - khí hậu và thời tiết - cây trồng và vật nuôi” trong các vùng cụ thể. Mặt khác, đi đôi với việc khai thác tận dụng tối đa những thế mạnh và thuận lợi do tự nhiên mang lại, đồng thời phải có kế hoạch và biện pháp tích cực, hữu hiệu để khắc phục, hạn chế những khó khăn và thiệt hại do chính môi trường tự nhiên gây ra đối với sản xuất nông nghiệp. Cần nắm vững quy luật sinh trưởng và phát triển tự nhiên của từng loại cây trồng và vật nuôi, trên cơ sở đó có các biện pháp tác động thích hợp để tạo ra năng suất và chất lượng sản phẩm cao nhất.

- Cần phân bố và phát triển một nền nông nghiệp chuyên môn hoá kết hợp với phát triển tổng hợp các ngành kinh tế - nghĩa là đa dạng hoá kinh tế nông nghiệp và nông thôn nhằm rải vụ sản xuất trong năm, giảm bớt sự căng thẳng trong việc sử dụng các yếu tố tham gia vào quá trình sản xuất, đồng thời nâng cao hiệu quả kinh tế trong quá trình sử dụng chúng.

- Cần nghiên cứu và áp dụng các biện pháp tích cực, những tiến bộ khoa học - kỹ thuật tác động vào quá trình sinh trưởng và phát triển của cây trồng, vật nuôi để chúng tự thực hiện chu kỳ sản xuất đạt hiệu quả cao.

1.1.3. Sản xuất nông nghiệp gắn với công nghiệp chế biến và tiêu thụ nông sản:

Ngành sản xuất nông nghiệp tạo ra các loại sản phẩm, nhìn chung có khối lượng công kênh, chứa tỷ lệ nước khá cao và nhiều loại có hàm lượng dinh dưỡng lớn, cho nên nếu không giải quyết tốt khâu vận chuyển, tiêu thụ sản phẩm và công nghệ sau thu hoạch thì sản phẩm dễ bị hư hao, giảm phẩm cấp. Do đó, cần phân bố và phát triển sản xuất nông nghiệp gắn liền với công nghiệp chế biến và tiêu thụ nông sản, tạo thành các chu trình sản xuất nông- công nghiệp, hình thành các tổ chức liên kết

sản xuất nông - công nghiệp - dịch vụ phù hợp với từng vùng, từng địa phương về các điều kiện và khả năng cụ thể. Giải quyết tốt yêu cầu đó sẽ có tác dụng tích cực về nhiều mặt: đảm bảo được chất lượng và làm tăng giá trị của nông sản phẩm, nâng cao trình độ chuyên môn hoá kết hợp với phát triển tổng hợp các ngành kinh tế, giảm bớt tính thời vụ và nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng các yếu tố của sản xuất nông nghiệp. Cụ thể như vùng sản xuất chè búp tươi nhất thiết phải gắn với nhà máy chế biến chè xanh hoặc chè đen (ở Thái Nguyên, Phú Thọ, Lâm Đồng...) đều có mô hình xí nghiệp công-nông nghiệp này. Trong chăn nuôi bò sữa cũng vậy, sữa tươi thu được có hàm lượng nước cao, hàm lượng mỡ, đường lớn rất dễ hư hỏng, nên ở các vùng chăn nuôi bò sữa phải gắn liền với thị trường có nhu cầu tiêu thụ sữa tươi hoặc gắn liền với các vùng đó là các cơ sở chế biến sữa...

1.2. Những đặc điểm của một số ngành sản xuất chủ yếu trong nông nghiệp

1.2.1. Ngành sản xuất cây lương thực:

Ở nước ta có tập đoàn cây lương thực khá phong phú và đa dạng, ngoài cây lúa là chủ lực còn có nhóm cây hoa màu lương thực, như: ngô, sắn, các loại khoai, dong riềng, kê... Khi phân bố và phát triển sản xuất nhóm cây trồng lương thực cần chú ý một số đặc điểm chung sau:

a) Cây lương thực có địa bàn phân bố rộng, thường trùng với địa bàn phân bố dân cư:

Ở đâu có đất và có con người sinh sống thì ở đó tất yếu có nhu cầu về sản phẩm lương thực và do đó có thể phát triển và phân bố sản xuất cây lương thực, đồng thời hầu hết nhóm cây trồng này có khả năng thích ứng cao với điều kiện ngoại cảnh của môi trường tự nhiên. Do đó, có thể và cần phải phân bố, phát triển sản xuất cây lương thực rộng khắp để thoả mãn nhu cầu tại chỗ, giảm chi phí vận chuyển sản phẩm lương thực từ nơi này đến nơi khác.

Tuy nhiên, cần phải có quy hoạch và kế hoạch cụ thể để phát triển sản xuất lương thực tập trung ở các vùng có điều kiện để thực hiện chuyên môn hoá và thâm canh hoá cao nhằm tạo ra khối lượng sản phẩm nhiều với chất lượng tốt, giá thành hạ để cung cấp cho nhu cầu của các vùng khó khăn trong sản xuất lương thực và cho nhu cầu xuất khẩu của đất nước.

b) Cây lương thực (trừ cây sắn) đều là các cây trồng có thời gian sản xuất ngắn:

Do có đặc điểm này nên khi phân bố và phát triển sản xuất cây lương thực cần lựa chọn tập đoàn và cơ cấu cây lương thực thích hợp với điều kiện tự nhiên, địa

hình của từng vùng, đồng thời cần chú ý thực hiện tốt việc luân canh, gối vụ, xen canh với các cây trồng khác và thâm canh cao để đảm bảo việc sử dụng kết hợp với cải tạo đất đai và quá trình sản xuất đạt được hiệu quả cao.

c) Sản phẩm cây lương thực thường khó bảo quản và chuyên chở, nhất là nhóm cây hoa màu lương thực. Đồng thời cây lương thực có nhiều sản phẩm phụ có thể cung cấp nguồn thức ăn cho chăn nuôi phát triển:

Do vậy, khi phân bố và phát triển sản xuất cây lương thực cần chú ý đến việc bảo quản sản phẩm, kết hợp tốt với việc phân bố các cơ sở chế biến lương thực, mặt khác cần kết hợp hợp lý việc phát triển sản xuất cây lương thực với phân bố và phát triển sản xuất ngành chăn nuôi.

1.2.2. Ngành trồng cây công nghiệp:

Nhóm cây công nghiệp sản xuất ra sản phẩm chủ yếu để cung cấp nguồn nguyên liệu cho ngành công nghiệp nên nó có tên gọi như trên, ngoài ra, cũng có một số tài liệu còn gọi nhóm cây trồng này là cây kinh tế hoặc cây kỹ nghệ chính là do các đặc điểm sản xuất của chúng mà có.

Trong nhóm cây công nghiệp được phân làm 2 loại:

- Cây công nghiệp ngắn ngày (cây hàng năm) gồm có: Bông, đay, gai, cói, lạc, đậu tương, mía, thuốc lá...
- Cây công nghiệp dài ngày (cây lâu năm) gồm có chè, cao su, cà phê, dừa, điều, hồ tiêu...

Một số đặc điểm chung cần lưu ý khi phân bố và phát triển sản xuất cây công nghiệp như sau:

a) Cây công nghiệp có nhiều loại khác nhau, thích ứng với từng điều kiện tự nhiên, sinh thái môi trường khác nhau:

Do vậy, khi phân bố sản xuất cây công nghiệp cần nghiên cứu kỹ các điều kiện tự nhiên, nhất là đất đai để bố trí cây trồng sao cho thích hợp để tận dụng lợi thế so sánh của từng địa phương, từng vùng nhằm sử dụng đất đai có hiệu quả cao và bản thân cây công nghiệp cho năng suất cao với chất lượng tốt và giá thành sản phẩm thấp.

b) Sản xuất cây công nghiệp, nhìn chung đòi hỏi số lượng và chất lượng lao động cao hơn sản xuất cây lương thực, yêu cầu đội ngũ lao động có tay nghề kỹ thuật, có kinh nghiệm và tập quán sản xuất từng loại cây trồng; điều kiện và khả

năng cơ giới hoá quá trình sản xuất cây công nghiệp khó khăn hơn sản xuất cây lương thực:

Vì thế, khi phân bố sản xuất cây công nghiệp cần quan tâm xem xét đến nguồn lao động để đảm bảo cân đối đủ cả về số lượng và chất lượng cho nhu cầu phát triển sản xuất. Khi mở rộng quy mô diện tích sản xuất cây công nghiệp cũng cần tính đến việc thoả mãn nhu cầu lao động cho quy mô mới cả về số lượng, chất lượng và thời vụ sử dụng lao động.

c) Sản xuất cây công nghiệp lâu năm đòi hỏi vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn lâu:

Do đặc điểm đó cho nên khi phân bố và phát triển sản xuất cây công nghiệp cần điều tra, tính toán cụ thể về các điều kiện cơ bản cũng như nhu cầu về các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất, nhất là vốn, lao động sao cho đảm bảo đầy đủ và có hiệu quả; đồng thời phải nghiên cứu xem xét đến quy hoạch tổng thể và cụ thể của từng vùng để bố trí khu vực sản xuất cây công nghiệp dài ngày đó được phát triển ổn định trong thời gian dài, tránh gây lãng phí.

d) Sản phẩm cây công nghiệp sản xuất ra phần lớn là sản phẩm hàng hoá, bên cạnh đó hầu hết các loại sản phẩm này lại khó chuyên chở và bảo quản, dễ hư hao và giảm phẩm chất, đòi hỏi phải được chế biến kịp thời:

Ví dụ: Sản phẩm chè búp tươi hoặc trong sản xuất mía đường, chất lượng của sản phẩm sẽ giảm dần theo thời gian sau thu hoạch nếu không chế biến kịp thời. Do vậy, khi phân bố và phát triển sản xuất cây công nghiệp cần phải đảm bảo đầy đủ mọi điều kiện và khả năng để sản xuất ra khối lượng sản phẩm hàng hoá lớn với chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu của thị trường trong nước và quốc tế; đồng thời đi đôi với việc phân bố sản xuất cây công nghiệp cần giải quyết đồng bộ việc phân bố và xây dựng các cơ sở chế biến sản phẩm theo hình thức liên kết nông - công nghiệp đa dạng và hợp lý.

1.2.3. Ngành chăn nuôi:

a) Hoạt động sản xuất của ngành chăn nuôi diễn ra liên tục, vừa không mang tính thời vụ như trồng trọt nhưng lại vừa phụ thuộc vào tính chất thời vụ của ngành trồng trọt:

Ngành chăn nuôi cung cấp sức kéo và phân bón hữu cơ cho trồng trọt, ngược lại ngành trồng trọt cung cấp thức ăn (thức ăn thô và thức ăn tinh) là yếu tố quyết định đến quy mô và tốc độ phát triển của ngành chăn nuôi. Do vậy nên khi phân bố và phát triển ngành chăn nuôi cần xem xét kỹ để đảm bảo cân đối đầy đủ các yếu tố

đầu vào của quá trình sản xuất chăn nuôi, như: vốn, lao động, vật tư, giống, chuồng trại, công tác phòng chống dịch bệnh. Trong các yếu tố đó, đặc biệt chú ý là khả năng cung cấp nguồn thức ăn, cho nên cần phải bố trí hợp lý chăn nuôi với trồng trọt, giải quyết tốt khâu chế biến và dự trữ thức ăn cho chăn nuôi để đảm bảo tốt các điều kiện cho chăn nuôi phát triển đạt hiệu quả cao.

b) Ngành chăn nuôi có quan hệ mật thiết và chặt chẽ với ngành trồng trọt, chúng tạo điều kiện thúc đẩy nhau cùng phát triển nếu như việc phân bố sản xuất cân đối hợp lý và ngược lại:

Trong thực tế tùy vào mục đích chăn nuôi sẽ cho ta các sản phẩm chăn nuôi có giá trị khác nhau hoặc cung cấp sức kéo súc vật, hoặc cung cấp các loại con giống, hoặc cung cấp nguồn thực phẩm giàu đạm như thịt, trứng, sữa hoặc cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp như lông, da... Do đặc điểm đó nên đồng thời với phân bố và phát triển chăn nuôi cần phải chú ý giải quyết đầy đủ và đúng đắn mối quan hệ hữu cơ giữa hai ngành sản xuất quan trọng này để cả hai ngành cùng phát triển nhằm đem lại hiệu quả cao cho mỗi ngành và cho cả nền nông nghiệp.

c) Ngành chăn nuôi cùng một lúc có thể tạo ra nhiều loại sản phẩm với nhiều giá trị khác nhau, phục vụ cho nhiều ngành sản xuất và đời sống của nhân dân:

Vì thế, để giải quyết một vấn đề cơ bản quan trọng là “sản xuất cái mà xã hội cần” thì khi phân bố và phát triển ngành chăn nuôi cần phải căn cứ vào nhu cầu của các ngành sản xuất khác; nhu cầu của thị trường và khả năng tiêu dùng của xã hội, đồng thời cũng cần xuất phát và căn cứ vào điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của mỗi địa phương, mỗi vùng để phân bố chăn nuôi sao cho cân đối, thích hợp với thực tế về khả năng các yếu tố đầu vào của sản xuất ngành chăn nuôi để bố trí quy mô và cơ cấu đàn gia súc, gia cầm cho hợp lý, nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu đa dạng về sản phẩm và nâng cao hiệu quả sản xuất ngành chăn nuôi.

d) Các sản phẩm là thương phẩm của ngành chăn nuôi sản xuất ra đều khó bảo quản, cần phải được vận chuyển kịp thời đến nơi tiêu thụ sản phẩm tươi sống hoặc chế biến để giữ được phẩm cấp của nó:

Vì các loại sản phẩm mà ngành chăn nuôi cung cấp là thương phẩm có tỷ lệ nước cao và hàm lượng dinh dưỡng lớn cho nên rất dễ bị các loại vi khuẩn xâm nhập và làm hư hại sản phẩm. Do vậy phân bố và phát triển chăn nuôi cần lưu ý kết hợp với việc xây dựng các cơ sở chế biến hoặc bố trí các phương tiện vận chuyển chuyên dùng thích hợp hoặc bố trí gần nơi tiêu thụ sản phẩm, có vậy mới đảm bảo đạt được hiệu quả cao trong chăn nuôi.

II. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÂN BỐ VÀ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

2.1. Nhóm nhân tố tự nhiên

Vì đối tượng sản xuất của nông nghiệp là những sinh vật nên sản xuất nông nghiệp phụ thuộc chặt chẽ vào các điều kiện tự nhiên. Hay nói cách khác là các điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng trực tiếp, thậm chí có khi quyết định đến việc phân bố và phát triển sản xuất nông nghiệp. Trong các yếu tố của tự nhiên thì thời tiết - khí hậu và thổ nhưỡng, nguồn nước là có ảnh hưởng và tác động nhiều nhất và chính vì thế nên khi phân bố và phát triển sản xuất nông nghiệp cần phải quan tâm giải quyết tốt mối quan hệ: “Đất - nước - khí hậu và thời tiết - cây trồng và vật nuôi”.

Điều trên đây có thể thấy và chứng minh bằng thực tế rằng: cùng một loại cây trồng nhưng được phân bố và phát triển ở từng vùng khác nhau, chắc chắn sẽ cho năng suất và chất lượng sản phẩm không giống nhau. Đó chính là ảnh hưởng tác động của điều kiện tự nhiên đem lại. Do vậy, việc điều tra nghiên cứu, phân tích và đánh giá đúng đắn điều kiện tự nhiên, nhất là khí hậu - thời tiết, nguồn nước và đất đai là tiền đề cho việc phân bố và phát triển sản xuất nông nghiệp hợp lý có hiệu quả.

Đối với nước ta, điều kiện khí hậu nhiệt đới gió mùa cũng như về thủy văn cũng vậy, có rất nhiều điều kiện thuận lợi cho phân bố và phát triển sản xuất nông nghiệp, song cũng không ít khó khăn bởi tính chất khắc nghiệt của điều kiện khí hậu thời tiết và thủy văn đó gây ra. Do đó, khi phân bố và phát triển sản xuất nông nghiệp cần điều tra phân tích đầy đủ các yếu tố về khí hậu thời tiết và thủy văn một cách chi tiết, chính xác nhằm tận dụng, khai thác triệt để lợi thế của nó mang lại, đồng thời khắc phục và hạn chế những khó khăn, tác hại do chính nó gây ra.

Về đất đai, ở nước ta 3/4 diện tích là đất đồi núi dốc, địa hình phức tạp và lý hoá tính của đất rất phong phú, đa dạng; trong toàn bộ diện tích đất tự nhiên của nước ta hiện chỉ có khoảng 11 triệu ha đảm bảo sản xuất an toàn, nhưng diện tích này đã và đang có xu hướng bị giảm đi do các nhu cầu khác của quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá và đô thị hoá. Mặt khác, dân số vẫn đang trong tình trạng biến động tăng, cho nên bình quân diện tích đất nông nghiệp trên đầu người vốn đã thấp sẽ còn bị giảm xuống nữa. Do vậy, khi phân bố và phát triển sản xuất nông nghiệp cần lưu ý thực hiện tốt nguyên tắc sử dụng đất “đầy đủ và hợp lý”.

2.2. Nhóm nhân tố kinh tế - xã hội

Nhóm nhân tố này bao gồm nhiều loại yếu tố khác nhau, trong đó có cả các yếu tố vật chất và phi vật chất đã tác động, ảnh hưởng rất lớn đến quá trình phân bố và phát triển sản xuất nông nghiệp.

Thứ nhất: với Việt Nam, trước hết phải nói đến một yếu tố quan trọng trong các yếu tố phi vật chất, đó là sự đổi mới cơ chế quản lý nền kinh tế quốc dân nói chung và kinh tế nông nghiệp nông thôn nói riêng, đã và đang là yếu tố có tác động mạnh mẽ và giữ vai trò quyết định đối với sự phân bố và phát triển nông nghiệp cũng như kinh tế nông thôn nước ta, nó đã thúc đẩy nền nông nghiệp của đất nước có bước chuyển đáng kể, tiến tới một nền nông nghiệp hàng hoá theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

Thứ hai: các cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn cũng đã và đang được nâng cấp, tăng cường, như: thuỷ lợi hoá, cơ giới hoá, điện khí hoá, hoá học hoá, hệ thống và các phương tiện giao thông vận tải, thông tin liên lạc... cùng với các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới; các giống cây trồng, vật nuôi mới với các phương pháp nhân giống mới và sự phát triển của ngành công nghệ sinh học... đã có những tác động tích cực đến quá trình phân bố và phát triển của nông nghiệp.

Thứ ba: lực lượng lao động trong nông nghiệp, nông thôn của nước ta đang còn chiếm trên 60% lao động xã hội của cả nước, đó cũng là một yếu tố quan trọng, một nguồn lực to lớn có ảnh hưởng không nhỏ cần được tận dụng, khai thác có hiệu quả để phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn; đồng thời góp phần giải quyết một vấn đề xã hội quan trọng của đất nước đó là việc làm cho lao động.

III. THỰC TRẠNG PHÂN BỐ VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

3.1. Tình hình phân bố và phát triển các ngành sản xuất trong nông nghiệp

3.1.1. Ngành trồng trọt:

a) Ngành trồng cây lương thực và cây thực phẩm:

Trong nhóm cây lương thực ở nước ta thì cây lúa luôn luôn giữ vị trí hàng đầu và vai trò chủ đạo, nó đã đi vào đời sống thường nhật của nhân dân ta từ hàng ngàn đời nay. Cây lúa được phân bố tập trung với quy mô diện tích lớn ở vùng Đồng bằng sông Hồng (1046,7 nghìn ha) và vùng Đồng bằng sông Cửu Long (37.609 nghìn ha). Ngoài hai vùng lúa lớn và giữ vai trò quan trọng của cả nước, còn có các dải đồng bằng tuy quy mô nhỏ hẹp và không tập trung nhưng có vai trò to lớn đối với các vùng miền khác, đó là các đồng bằng: Thanh - Nghệ - Tĩnh, Bình - Trị - Thiên, Nam - Ngãi - Định, Phú Yên - Khánh Hoà, Ninh Thuận - Bình Thuận và một số cánh đồng lúa ở vùng Đông Bắc: Trùng Khánh, Quảng Yên, Đông Khê, Thất Khê; ở vùng Tây Bắc: Than Uyên, Nghĩa Lộ, Điện Biên. Tình hình phát triển cây lúa trong thời

gian qua được tăng lên liên tục, cả diện tích và năng suất ở cả 3 vụ: Đông xuân, hè thu và vụ mùa, nên tổng sản lượng thóc không ngừng tăng lên trong 10 năm qua.

Cùng với cây lúa thì các cây hoa màu lương thực có ý nghĩa rất quan trọng trong việc cung cấp một phần lương thực cho người, thức ăn cho chăn nuôi và nguyên liệu cho công nghiệp chế biến phát triển, trong những năm vừa qua diện tích các cây màu lương thực dao động trong khoảng 1 triệu đến hơn 1,2 triệu ha và sản lượng màu quy thóc dao động trong khoảng 2,2 triệu đến 3,1 triệu tấn. Trong nhóm cây màu lương thực thì cây ngô được coi trọng hơn cả, so với trước khi đổi mới (1985) thì năm 2000 có diện tích ngô tăng 1,84 lần và sản lượng tăng 3,42 lần, qua các con số này cho ta thấy rằng năng suất ngô tăng lên đáng kể, chính là do việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đặc biệt là đưa các giống ngô mới, vào sản xuất trên quy mô đại trà. Diện tích trồng ngô được phân bố chủ yếu ở hai vùng: Đông Bắc và Đông Nam Bộ, tiếp sau là các vùng Tây Bắc, Bắc Trung Bộ và Đồng bằng sông Hồng. Sau cây ngô là cây khoai lang và cây sắn trong nhóm các cây hoa màu lương thực nhưng diện tích trồng chúng đã và đang có xu hướng giảm đi để nhường chỗ cho các cây trồng khác đem lại hiệu quả cao hơn.

Biểu 6.2. Thực trạng diện tích, sản lượng lương thực thời kỳ 1990-2000

Năm	Diện tích (nghìn ha)		Sản lượng (nghìn tấn)	
	Cây lương thực	Trong đó riêng cây lúa	Lương thực quy thóc	Trong đó riêng thóc
1990	6.474,6	6.042,8	19.896,1	19.225,1
1991	6.750,4	6.302,8	20.293,9	19.621,9
1992	6.953,3	6.475,3	22.338,3	21.590,4
1993	7.055,9	6.559,4	23.718,7	22.836,5
1994	7.133,2	6.598,6	24.672,1	23.528,2
1995	7.322,4	6.765,6	26.140,9	24.963,7
1996	7.619,0	7.003,8	27.933,4	26.396,7
1997	7.762,6	7.099,7	29.174,5	27.523,9
1998	8.012,4	7.362,7	30.757,5	29.145,5
1999	8.345,4	7.653,6	33.146,9	31.393,8
2000	8.396,5	7.666,3	34.535,4	32.529,5

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2001

Về cây thực phẩm, ở nước ta có tập đoàn cây trồng khá phong phú và đa dạng. Tình hình sản xuất các loại rau đậu có thể tiến hành ở khắp nơi và ở nhiều mùa vụ

trong năm. Các vùng trồng cây thực phẩm đã và đang được hình thành và phát triển, nhất là các loại rau sạch, để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường về loại thực phẩm này.

b) Ngành trồng cây công nghiệp:

Trong ngành trồng cây công nghiệp được phân thành hai nhóm: cây dài ngày và cây ngắn ngày. Ở nước ta, điển hình cho cây công nghiệp dài ngày có: Chè, Cà phê, Cao su, Dừa..., cây ngắn ngày có: Mía, Lạc, Đậu tương, Thuốc lá, Bông, Cói, Đay... Trong những năm vừa qua, nhất là từ khi thực hiện đổi mới, ngành trồng cây công nghiệp đã được đẩy mạnh phát triển, các vùng chuyên canh với quy mô diện tích lớn được hình thành nhằm khai thác những lợi thế sẵn có và đáp ứng cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu về sản phẩm cây công nghiệp.

+ Cây mía được phân bố ở tất cả các vùng trong cả nước, diện tích lớn nhất ở các vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ.

+ Cây lạc được trồng chủ yếu ở Bắc Trung Bộ và Đông Nam Bộ, tiếp sau các vùng đó là vùng Đông Bắc, Duyên hải Nam Trung Bộ, Đồng bằng sông Hồng, rồi đến Tây nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long.

+ Cây đậu tương có thể phân bố ở tất cả các vùng trong nước ta, nhưng tập trung nhất là vùng Đông Bắc, Đồng bằng sông Hồng; tiếp sau là các vùng Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Bắc và Tây Nguyên.

+ Cây thuốc lá có quy mô diện tích lớn nhất là ở vùng Đông Nam Bộ, sau đó là vùng Đông Bắc và vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

+ Cây bông được trồng nhiều nhất là các tỉnh Đồng Nai (Vùng Đông Nam Bộ) và Đắc Lắc (Vùng Tây nguyên).

Nhóm cây công nghiệp hàng năm (cây ngắn ngày) được trồng với diện tích nhiều hơn cả là mía, lạc, đậu tương; rồi đến thuốc lá, bông, cói, đay, dâu tằm...

Biểu 6.3. Diện tích và sản lượng một số cây công nghiệp hàng năm thời kỳ 1985-2000

Loại cây trồng	1985	1990	1995	2000
Diện tích (nghìn ha)				
- Mía	143,2	130,6	224,8	302,3
- Lạc	212,7	201,4	259,9	244,9

(tiếp biểu 6.3)

- Đậu tương	102,0	110,0	121,1	124,1
- Thuốc lá	42,6	26,5	27,7	24,4
- Bông	13,8	8,3	17,5	18,6
- Cói	15,3	11,4	10,4	9,3
- Đay	22,0	11,7	7,5	5,5
Sản lượng (nghìn tấn)				
- Mía	5.559,7	5.397,6	10.711,1	15.044,3
- Lạc	202,4	213,1	334,5	355,3
- Đậu tương	79,1	86,6	125,5	149,3
- Thuốc lá	38,4	21,8	27,7	27,1
- Bông	4,5	3,1	12,8	18,8
- Cói	92,8	63,3	75,5	61,4
- Đay	47,1	23,8	14,8	11,3

Nguồn: Niên giám thống kê năm 1990 - 2001

Nhóm cây công nghiệp lâu năm (cây dài ngày) chủ yếu và có giá trị gồm có cao su, chè, cà phê, dừa... Tình hình phát triển một số cây chủ yếu trong nhóm này được thể hiện trong biểu 6.4.

Biểu 6.4. Diện tích và sản lượng một số cây công nghiệp lâu năm thời kỳ 1985-2000

Loại cây trồng	1985	1990	1995	2000
Diện tích (nghìn ha)				
Cao su	180,2	221,7	278,4	412,0
Cà phê	44,7	119,3	186,4	561,9
Chè	50,8	60,0	66,7	87,7
Dừa	127,0	212,3	172,9	161,3
Sản lượng (nghìn tấn)				
Cao su (mủ khô)	47,9	57,9	124,7	290,8
Cà phê (nhân)	12,3	92,0	218,0	802,5
Chè (khô)	28,2	32,2	40,2	69,9
Dừa (quả)	611,8	894,4	1165,3	884,8

Nguồn: Niên giám thống kê năm 1990 - 2001

+ Cây cao su có nguồn gốc cận nhiệt đới nên địa bàn thích hợp hơn cả là các tỉnh phía Nam nước ta, nó được phân bố tập trung chủ yếu ở vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và một số tỉnh ở vùng Bắc Trung Bộ cũng có ít diện tích trồng cao su.

+ Cây cà phê là cây trồng có nguồn gốc nhiệt đới, ưa nhiệt và ưa ẩm. Diện tích cà phê tăng lên tương đối nhanh trong thời gian qua và có tới 3/4 diện tích cà phê của cả nước tập trung ở Đắk Lắk (vùng Tây Nguyên). Cà phê Buôn Mê Thuột nổi tiếng không chỉ ở trong nước mà cả trên thị trường quốc tế. Diện tích trồng cà phê còn lại được phân bố ở vùng Đông Nam Bộ và ở một số vùng khác nhưng với quy mô nhỏ.

+ Cây chè cũng là loại cây trồng có nguồn gốc nhiệt đới và cận nhiệt đới nên rất thích hợp với nước ta. Nhìn chung hầu hết các vùng trong cả nước đều có thể trồng chè được, nhưng diện tích chè chủ yếu tập trung ở các tỉnh từ Nghệ An trở ra phía Bắc (khoảng 90% diện tích chè cả nước ở khu vực này), sau đó là các tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên.

c) Ngành trồng cây ăn quả:

Nước ta có rất nhiều tiềm năng cho ngành trồng cây ăn quả phát triển với tập đoàn cây trồng phong phú, có nguồn gốc khác nhau và thực tế nó đã được trồng từ lâu đời ở tất cả các vùng trong cả nước. Nhiều sản phẩm đã nổi tiếng từ xưa như bưởi Đoan Hùng, Phúc Trạch, Biên Hoà; nhãn lồng Hưng Yên; cam Xã Đoài; xoài Lái Thiêu, Cao Lãnh; đào Sa Pa, mận Lạng Sơn... Tuy nhiên, tình hình phát triển của ngành này còn chậm và thiếu ổn định do một số nguyên nhân tác động, trong đó có vấn đề tiêu thụ, bảo quản và chế biến sản phẩm đang còn nhiều khó khăn làm cho người sản xuất chưa hoàn toàn yên tâm sản xuất trên diện tích đã trồng cũng như mở rộng thêm quy mô diện tích trồng mới.

d) Ngành chăn nuôi:

Sự phát triển ngành chăn nuôi của nước ta chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có về mọi mặt của đất nước, chưa đáp ứng thoả mãn cho nhu cầu ngày càng tăng của xã hội về các loại sản phẩm. Trong các năm qua tuy quy mô đàn gia súc, gia cầm cũng như cơ cấu giá trị sản lượng của ngành chăn nuôi trong nông nghiệp có tăng lên, song còn thấp và chậm.

- Chăn nuôi gia súc lớn:

+ *Chăn nuôi trâu* được phát triển theo nhiều hướng khác nhau, như cung cấp sức kéo, thực phẩm, sữa, sinh sản và có địa bàn phân bố tập trung chủ yếu là ở hai

vùng Đông Bắc và Bắc Trung Bộ, sau đó đến vùng Tây Bắc. Các tỉnh miền Nam việc chăn nuôi trâu chưa được phát triển.

+ *Chăn nuôi bò* được phân bố và phát triển tương đối đồng đều ở các vùng trong cả nước, song ở mỗi vùng khác nhau có quy mô và hướng chăn nuôi không giống nhau. Đàn bò được phân bố tập trung nhiều nhất theo hướng tổng hợp (cày kéo, sinh sản, thịt); theo hướng sinh sản hoặc lấy sữa được phân bố chủ yếu ở các vùng núi và cao nguyên như Tây Bắc, Tây Nguyên, ngoài ra trong những năm gần đây ở khu ven đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đã xuất hiện chăn nuôi bò sữa; còn hai vùng đồng bằng rộng lớn của đất nước thì chăn nuôi bò theo hướng cung cấp sức kéo là chủ yếu.

Biểu 6.5. Số lượng đàn gia súc, gia cầm của Việt Nam thời kỳ 1985-2000

Năm	Gia súc lớn (nghìn con)			Gia súc nhỏ (nghìn con)		Gia cầm (triệu con)
	Trâu	Bò	Ngựa	Lợn	Dê, Cừu	
1985	2.590,2	2.597,6	132,7	11.807,5	402,6	91,2
1990	2.854,1	3.116,9	141,3	12.260,5	372,3	107,4
1991	2.858,6	3.135,6	133,7	12.194,3	312,5	109,0
1992	2.886,5	3.201,8	133,1	13.891,7	312,3	124,5
1993	2.960,8	3.333,0	132,9	14.873,9	353,0	133,4
1994	2.977,3	3.466,8	131,1	15.587,7	427,9	137,8
1995	2.962,8	3.638,9	126,8	16.306,4	550,5	142,1
1996	2.953,9	3.800,0	125,8	16.921,7	512,8	151,4
1997	2.943,6	3.904,8	119,8	17.635,9	515,0	160,6
1998	2.951,4	3.987,3	122,8	18.132,4	514,3	166,4
1999	2.955,7	4.063,6	149,5	18.885,8	470,7	179,3
2000	2.897,2	4.127,9	126,5	20.193,8	543,9	196,1

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2001

+ *Ngựa* được nuôi chủ yếu ở các vùng miền núi để phục vụ cho việc vận chuyển người và hàng hoá trong khi các dạng loại giao thông ở đây còn khó khăn, chưa phát triển. Tuy nhiên, chăn nuôi ngựa ở nước ta phát triển chưa ổn định, có xu hướng giảm đi về số lượng đầu con.

- *Chăn nuôi gia súc nhỏ:*

Trong đàn gia súc nhỏ thì *chăn nuôi lợn* là ngành chăn nuôi lấy thịt khá phổ biến ở nước ta có vị trí quan trọng nhất trong ngành chăn nuôi. Ngoài việc cung cấp thịt cho nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, nó còn tạo điều kiện thu hút nguồn lao động trong nông thôn vào sản xuất, góp phần nâng cao thu nhập cho nông dân và cung cấp một phần nguồn phân bón hữu cơ cho ngành trồng trọt. Nước ta có nhiều giống lợn, trong những năm qua nhờ việc chọn lọc và lai tạo giống nên chất lượng đàn lợn và năng suất chăn nuôi ngày càng tăng, đặc biệt, gần đây chăn nuôi lợn hướng nạc khá phát triển ở nhiều nơi đã thu được kết quả khả quan. Quy mô đàn lợn tăng lên khá ổn định trong các năm qua, vùng chăn nuôi nhiều lợn nhất là Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long, rồi đến các vùng khác trong cả nước.

- *Chăn nuôi gia cầm* ngày càng có vai trò to lớn trong sản xuất và đời sống, nó vừa là nguồn cung cấp thực phẩm quý cho con người, lại tận dụng được nguồn lao động và các loại phế phụ phẩm của trồng trọt, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Các điều kiện và tiềm năng để phát triển chăn nuôi gia cầm ở nước ta rất lớn nên trong những năm vừa qua, quy mô đàn gia cầm tăng khá nhanh.

Chăn nuôi gà được phát triển rộng khắp ở các vùng, miền trong cả nước, chủ yếu trong các hộ gia đình, ngoài ra ở các vùng ven đô thị còn có một số xí nghiệp, trang trại lớn chăn nuôi gà theo phương pháp công nghiệp để cung cấp thịt, trứng cho khu vực. *Vịt* được phân bố và phát triển tập trung chủ yếu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. *Ngan, ngỗng* được nuôi nhiều ở các vùng tương đối cao thuộc Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Nam Trung Bộ.

3.2. Một số nhận xét chung về thực trạng phân bố và phát triển nông nghiệp Việt Nam

Nước ta nằm trong vành đai nhiệt đới bắc bán cầu nhưng có vị trí địa lý khá độc đáo, riêng phần lục địa được trải dài trên 15 vĩ độ nên mang đầy đủ đặc điểm của khí hậu nhiệt đới gió mùa có pha trộn ít nhiều tính chất ôn đới, do vậy nền nông nghiệp nước ta được phát triển với tập đoàn cây trồng và vật nuôi rất phong phú và đa dạng.

Thật vậy, hầu hết các cây trồng và vật nuôi được phát triển ở nước ta có nguồn gốc nhiệt đới như:

- Cây lương thực: Lúa, ngô, khoai, sắn...
- Cây công nghiệp: Cao su, chè, cà phê... (cây dài ngày)
Mía, đỗ tương, thuốc lá... (cây ngắn ngày)
- Cây thực phẩm: Rau muống, cà, mướp, xu xu, bầu bí...
- Cây ăn quả: Vải, nhãn, xoài, dứa, mít, chuối...
- Các vật nuôi: Trâu, bò, lợn, gà,...

Ngoài ra còn có một số cây trồng có nguồn gốc á nhiệt đới hoặc ôn đới, như các loại cây thực phẩm: Su hào, bắp cải, củ cải đường..., cây ăn quả: Đào, táo, mận, lê...; vật nuôi: Cừu.

Với vị trí địa lý và khí hậu thời tiết đó đã cho phép nền nông nghiệp Việt Nam có thể trồng cấy quanh năm và thu hoạch bốn mùa hoa trái cũng như chăn nuôi với nhiều loại gia súc, gia cầm khác nhau nếu như biết tận dụng và khai thác tốt những thuận lợi, đồng thời khắc phục và hạn chế những khó khăn do chính các điều kiện tự nhiên đó ảnh hưởng, tác động đến sự phân bố và phát triển nông nghiệp. Thực tế nền nông nghiệp Việt Nam đã khởi sắc tiến bộ và bước đầu đã đạt được thành tựu đáng khích lệ, đặc biệt là từ sau khi có Nghị quyết 10 NQ/TW ngày 05/4/1988 của Bộ Chính trị về “đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp nhằm giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất trong nông thôn, trong từng hộ nông dân”.

Điều đó được chứng minh rõ nhất là từ một nước phải nhập khẩu lương thực, đến nay không những nước ta đã đảm bảo được chiến lược an ninh lương thực trong cả nước mà trong các năm gần đây bình quân mỗi năm nước ta đã xuất khẩu được trên dưới 4 triệu tấn gạo, đứng hàng thứ hai trên thế giới (sau Thái Lan). Ngoài ra, nước ta còn xuất khẩu nhiều loại nông sản hàng hoá thuộc nhóm cây công nghiệp, cây thực phẩm, cây ăn quả, các loại hoa và sản phẩm chăn nuôi ra thị trường các nước trong khu vực và trên thế giới, góp phần quan trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu của đất nước.

Đồng thời, mặc dù xuất phát điểm là từ một nền nông nghiệp lạc hậu, độc canh, phân tán, năng suất và hiệu quả thấp, nhưng đến nay chúng ta đã và đang chuyển dần sang một nền nông nghiệp hàng hoá, phát triển đa dạng với năng suất và hiệu quả cao hơn theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá cả trong trồng trọt và chăn nuôi, tổng sản phẩm nông nghiệp ngày càng tăng, đời sống nông dân ngày càng được cải thiện hơn.

Bên cạnh đó, trong nông nghiệp đã và đang có sự chuyển dịch cơ cấu sản xuất từ độc canh, thuần nông sang đa canh tổng hợp, phát triển khá toàn diện các ngành cả trong trồng trọt và cả trong chăn nuôi, với mục đích không chỉ thoả mãn cho nhu cầu của nông dân cũng như mọi cư dân trong nông thôn mà còn cung cấp nông sản hàng hoá cho xã hội, nguyên liệu cho công nghiệp và nguồn hàng cho xuất khẩu. Kết quả của quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp được biểu hiện bằng các con số cụ thể trong biểu 6.6.

Biểu 6.6. Cơ cấu các ngành sản xuất trong nông nghiệp

Đơn vị tính: %

Năm	Tổng số	Chia ra		
		Trồng trọt	Chăn nuôi	Dịch vụ
1990	100,0	79,3	17,9	2,8
1991	100,0	79,6	17,9	2,5
1992	100,0	76,5	20,7	2,8
1993	100,0	75,7	21,4	2,9
1994	100,0	77,0	20,2	2,8
1995	100,0	78,1	18,9	3,0
1996	100,0	77,9	19,3	2,8
1997	100,0	77,9	19,4	2,7
1998	100,0	79,7	17,8	2,5
1999	100,0	79,2	18,5	2,3
2000	100,0	78,2	19,3	2,5

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2001

Từ sau khi thực hiện đổi mới cơ chế quản lý nền kinh tế, nông nghiệp nước ta đã thu được những kết quả cơ bản bước đầu rất quan trọng, nó đã làm cho bộ mặt kinh tế - xã hội trong khu vực nông thôn thay đổi đáng kể, góp phần tích cực vào tiến bộ kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả và tiến bộ đó, trong nông nghiệp và kinh tế nông thôn vẫn còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, như: cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn chuyển dịch còn chậm, vẫn còn tình trạng mất cân đối và bất hợp lý trong cơ cấu đó; năng suất lao động còn thấp; nông sản hàng hoá còn ít chưa đáp ứng được đầy đủ cho nhu cầu trong nước và cho nhu cầu xuất khẩu đòi hỏi ngày càng lớn và đa dạng. Do đó, cần nghiên cứu để giải quyết bằng các biện pháp hữu hiệu nhằm tiếp tục thực hiện phân bố và phát triển nông nghiệp ngày càng hợp lý hơn, để thu được hiệu quả toàn diện ngày càng cao hơn, vẫn phải tiếp tục thực hiện tích cực quá

trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá, đa dạng hoá, kết hợp với quá trình đô thị hoá nông thôn trong sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN BỐ VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Từ thực trạng nêu trên, kết hợp với điều kiện và tiềm năng về các nguồn lực phục vụ cho sản xuất nông nghiệp của từng địa phương, từng vùng và cả nước, đồng thời để thoả mãn cho nhu cầu về nông sản phẩm của nền kinh tế quốc dân và cho nhu cầu xuất khẩu trong giai đoạn cách mạng mới của đất nước, góp phần cùng các ngành kinh tế khác trong cả nước phấn đấu để đến năm 2020 Việt Nam trở thành một nước công nghiệp phát triển, đòi hỏi phải xây dựng và phát triển một nền nông nghiệp với cơ cấu ngành hợp lý giữa hai nhóm ngành trồng trọt và chăn nuôi trong tổng thể ngành nông nghiệp và trong nội bộ từng nhóm ngành đó.

Trong tổng thể toàn ngành nông nghiệp cần tăng nhanh cơ cấu ngành chăn nuôi để chăn nuôi thực sự trở thành ngành sản xuất chính, cân đối với trồng trọt.

Trong nội bộ từng nhóm ngành cần đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng trong trồng trọt và cơ cấu vật nuôi, hướng nuôi trong chăn nuôi.

Trong trồng trọt, cây lương thực luôn luôn giữ vị trí hàng đầu và vai trò chủ lực vì nó có nhiệm vụ cực kỳ quan trọng trong việc đảm bảo an ninh lương thực của quốc gia - đó là cơ sở vững chắc cho mọi quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đời sống của nhân dân và an ninh của Tổ quốc. Ngoài ra, nó còn đóng góp nguồn nông sản hàng hoá cho nhu cầu xuất khẩu của nền kinh tế quốc dân. Do đó, cần phải tăng cường đầu tư thâm canh cao trên toàn bộ diện tích sản xuất cây lương thực, nhất là cây lúa nước, ở hai vùng đồng bằng lớn Bắc Bộ và Nam Bộ, cũng như các dải đồng bằng vùng Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và các cánh đồng ở các vùng Đông Bắc, Tây Bắc Bắc Bộ và vùng Đông Nam Bộ.

Bên cạnh cây lương thực, cần tăng nhanh quy mô và cơ cấu ngành trồng cây công nghiệp (cả cây dài ngày và cây ngắn ngày), cây thực phẩm, cây ăn quả, hoa và cây cảnh theo hướng sản xuất hàng hoá để đáp ứng nhu cầu đa dạng và phong phú về các loại nông sản cho tiêu dùng nội bộ và cho xuất khẩu. Với nước ta tiềm năng về mọi mặt để phát triển các nhóm cây trồng này còn rất lớn, song nhiều năm qua chưa được khai thác đầy đủ và hợp lý. Do vậy, hướng tới cần phải tăng cường đẩy mạnh phát triển các nhóm cây trồng này ở những nơi có các điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội thích hợp nhằm tăng nhanh giá trị sản xuất ngành trồng trọt nói riêng và ngành nông nghiệp nước ta nói chung.

Cây công nghiệp dài ngày như cao su cần được mở rộng diện tích ở các vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung, phấn đấu đến năm 2010 diện tích sản xuất đạt 55 vạn ha với sản lượng khoảng 45 vạn tấn mủ khô. Cây cà phê tập trung ở các tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên, cần mở rộng diện tích mới ở các vùng núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ (Thanh Hoá, Nghệ An). Đối với cây chè, cần tăng cường thâm canh tăng năng suất trên diện tích sản xuất chè hiện có ở các vùng trung du và miền núi phía Bắc, Lâm Đồng (Tây Nguyên) và các vùng khác; đồng thời trồng mới mở rộng diện tích chè ở một số nơi có điều kiện như Thanh Hoá, phía Tây Nghệ An (Bắc Trung Bộ)... phấn đấu đến năm 2005 có 104 nghìn ha chè trong cả nước.

Cây ăn quả trong thời gian tới cần tập trung đầu tư và phát triển các vùng sản xuất có tính hàng hoá lớn như xoài ở Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long, cam ở Phú Quỳ (Nghệ An), mận ở Bắc Hà (Lào Cai), vải thiều ở Lục Ngạn (Bắc Giang)... đồng thời chú trọng đến khâu chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm sản xuất ra.

Trong chăn nuôi, cần phát triển đa dạng hoá các loại gia súc, gia cầm có thể sinh trưởng và phát triển tốt ở nước ta theo các phương thức, các hướng nuôi và phục vụ cho các mục đích chăn nuôi khác nhau. Đặc biệt, cần mở rộng quy mô và cơ cấu đàn gia súc, gia cầm cung cấp thương phẩm (thịt, trứng, sữa, da) để thoả mãn cho nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, nguyên liệu cho công nghiệp, nguồn hàng cho xuất khẩu; đồng thời chú trọng phát triển đàn gia súc, gia cầm sinh sản để cung cấp con giống cho hướng chăn nuôi toàn diện trong nông nghiệp. Trong chăn nuôi gia súc lớn cần phấn đấu để trong những năm tới tăng quy mô đàn trâu lên trên 3 triệu con; bò đạt trên 4 triệu con, trong đó cần mở rộng quy mô đàn bò sữa ở Mộc Châu (Sơn La), Đức Trọng (Lâm Đồng) và ngoại vi các thành phố lớn (Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh...). Trong chăn nuôi gia súc nhỏ, cần phát triển mạnh đàn lợn ở khắp các vùng, miền, phấn đấu đến năm 2010 đưa quy mô đàn lợn của cả nước đạt được 28 - 30 triệu con. Chăn nuôi gia cầm cần đẩy mạnh phát triển rộng khắp để đến năm 2010 đạt quy mô đàn tới 340 - 350 triệu con.

* Để thực hiện định hướng trên đây, cần phải giải quyết tốt các vấn đề chủ yếu sau:

Trong trồng trọt phải chú trọng cả việc mở rộng diện tích bằng khai hoang, phục hoá và tăng vụ ở những nơi còn khả năng và có điều kiện; đồng thời tăng cường đầu tư thâm canh tăng năng suất cây trồng trên toàn bộ diện tích đang tiến hành sản xuất các loại cây trồng. Trong đó cần đặc biệt chú ý tăng hàm lượng “chất xám” trong các loại sản phẩm bằng cách áp dụng rộng rãi những tiến bộ khoa học